BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2284 /QĐ - BKHCN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3443
Ngày: 20/9/18
Chuyển: TTCNTH

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Bảng mã HS đối với phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Bảng mã HS đối với phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu thuộc đối tượng kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, bao gồm tên phương tiện đo nhóm 2, mã HS, yêu cầu kỹ thuật đo lường (ĐLVN) tương ứng và văn bản quy phạm pháp luật quản lý.

Điều 2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Hải quan (để phối hợp);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trần Văn Tùng

Phụ lục

BẢNG MÃ HS ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2 PHẢI ĐƯỢC PHÊ DUYỆT MẪU THUỘC ĐỐI TƯỢNG PHẢI KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG KHI NHẬP KHẨU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Mã HS (Thông tư số 65/2017/TT-BTC)	Phương tiện đo	Yêu cầu kỹ thuật đo lường (ĐLVN)	Văn bản áp dụng	Biện pháp quản lý
1	8423.10.10	Cân người, kể cả cân trẻ em; cân sử dụng trong gia đình; hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân bàn; - Cân đĩa.	ĐLVN 100:2002	- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 - Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013	- Kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhập khẩu là quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo. - Cơ quan thực hiện: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
2	8423.10.20	Cân người, kể cả cân trẻ em; cân sử dụng trong gia đình; không hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân đồng hồ lò xo; - Cân bàn; - Cân đĩa.	ĐLVN 121:2003 ĐLVN 100:2002		
3	8423.20.10	- Cân băng tải hoạt động bằng điện	ĐLVN 226:2010		
4	8423.81.10	Cân có khả năng cân tối đa không quá 30 kg, hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân đĩa; - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu.	ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015		
5	8423.81.20	Cân có khả năng cân tối đa không quá 30 kg, không hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân đồng hồ lò xo - Cân đĩa; - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu.	ĐLVN 121:2003 ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015		

6	8423.82.11	Cân có khả năng cân tối đa trên 30 kg nhưng không quá 1000 kg, hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân đĩa; - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu.	ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015	- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 - Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013	- Kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhập khẩu là quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo. - Cơ quan thực hiện: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
7	8423.82.19	Cân có khả năng cân tối đa trên 1000 kg nhưng không quá 5000 kg, hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu.	ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015		
8	8423.82.21	Cân có khả năng cân tối đa trên 30 kg nhưng không quá 1000 kg, không hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân đồng hồ lò xo; - Cân đĩa; - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu.	ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015 ĐLVN 121:2003		
9	8423.82.29	Cân có khả năng cân tối đa trên 1000 kg nhưng không quá 5000 kg, không hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu.	ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015		
10	8423.89.10	Cân có khả năng cân tối đa trên 5000 kg, hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu; - Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới; - Cân ô tô; - Cân tàu hỏa động; - Cân tàu hỏa tĩnh.	ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015 ĐLVN 225:2015 ĐLVN 224:2010		

11	8423.89.20	Cân có khả năng cân tối đa trên 5000 kg, không hoạt động bằng điện, cụ thể: - Cân bàn; - Cân treo móc cẩu.	ĐLVN 100:2002 ĐLVN 260:2015	- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 - Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013	- Kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhập khẩu là quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo. - Cơ quan thực hiện: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
12	8504.31.11	Biến áp đo lường điện áp từ 110 kV trở lên	Quy trình thử nghiệm tạm thời kèm theo Quyết định số 660/QĐ-TĐC ngày 14/5/09		
13	8504.31.12	Biến áp đo lường điện áp từ 66 kV nhưng dưới 110 kV			
14	8504.31.13	Biến áp đo lường điện áp từ 1 kV nhưng dưới 66 kV	ĐLVN 144:2012		
15	8504.31.19	Biến áp đo lường loại khác			
16	8504.31.21	Biến dòng đo lường dạng vòng dùng cho đường dây có điện áp từ 110 kV trở lên không quá 220 kV	Quy trình thử nghiệm tạm thời kèm theo Quyết định số 660/QĐ-TĐC ngày 14/5/09		
17	8504.31.22	Biến dòng đo lường dùng cho đường dây có điện áp từ 110 kV trở lên nhưng không quá 220 kV loại khác			
18	8504.31.23	Biến dòng đo lường dùng cho đường dây có điện áp từ 66 kV nhưng dưới 110 kV			
19	8504.31.24	Biến dòng đo lường dùng cho đường dây có điện áp từ 1 kV nhưng dưới 66 kV	ĐLVN 126:2012		
20	8504.31.29	Biến dòng đo lường loại khác	ĐLVN 126:2012		
21	9027.80.30	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	ĐLVN 240:2010		

22	9028.10.90	- Đồng hồ khí dân dụng; - Đồng hồ khí công nghiệp.	ĐLVN 239:2011 ĐLVN 254:2015	- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 - Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013	- Kiểm tra nhà nước về đo lường khi nhập khẩu. - Căn cứ để kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhập khẩu là quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo. - Cơ quan thực hiện: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
23	9028.20.20	- Đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử; - Đồng hồ nước lạnh cơ khí.	ĐLVN 96:2017		
24	9028.20.90	- Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; - Cột đo xăng dầu; - Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng; - Đồng hồ xăng dầu; - Phương tiện đo mức xăng dầu tự động.	ĐLVN 228:2010 ĐLVN 97:2017 ĐLVN 238:2011 ĐLVN 238:2011 ĐLVN 256:2015		
25	9028.30.10	Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha, cụ thể: - Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng; - Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử; - Công tơ điện xoay chiều có cấp chính xác 0,2 đến cấp chính xác 0,05.	ĐLVN 111:2002 ĐLVN 237:2011 Quy trình thử nghiệm tạm thời kèm theo Quyết định số 660/QĐ-TĐC ngày 14/5/2009		
26	9029.10.20	Taximet	ĐLVN 118:2013		
27	9031.80.90	Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông	ĐLVN 220:2017		